

Bản án số: 32/2026/HS-ST
Ngày 26 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thành;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026 và Thông báo số 04/TB-TA ngày 10 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Trương Văn T**, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1983, tại **xã Q, thành phố Đà Nẵng**; nơi cư trú: **thôn L, xã Q, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương Văn L**, sinh năm 1952 và bà **Võ Thị N**, sinh năm 1954; sống chung như vợ chồng với chị **Nguyễn Thị H**, có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 31/10/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cũ xử phạt 15 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; ngày 21/4/2025, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh Q** cũ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” tại Quyết định số 57/QĐ-XPHC. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2025, chuyển tạm giam ngày 26/01/2025 tại Trại tạm giam số 2 **Công an thành phố Đ**. *Có mặt.*

2. **Hà Minh L1** (tên gọi khác: **Đ**), sinh ngày 31 tháng 5 năm 1995, tại **xã Q, thành phố Đà Nẵng**; nơi cư trú: **thôn L, xã Q, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp:

không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Tất T1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 17/7/2023, bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Nam cũ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” tại Quyết định số 112/QĐ-XPHC (Quyết định đã giao cho bị cáo nhưng bị cáo chưa thi hành); nhân thân: ngày 17/6/2014, bị Công an thị trấn Đ, huyện Q cũ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” tại Quyết định số 74/QĐ-XPVPHC; ngày 14/5/2021, bị Công an xã Q, huyện Q cũ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” tại Quyết định số 05/QĐ-XPHC. Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2025, chuyên tạm giam ngày 26/01/2025 tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đ. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Văn M, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn L, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Anh Phan Văn A, sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn L, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 14/01/2025, bị cáo T gọi điện cho Nguyễn Hoàng V hỏi mua của V 1.000.000 đồng ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, bị cáo đem về nhà sử dụng một ít, số còn lại bị cáo bỏ vào trong đoạn ống hút màu trắng cất giấu.

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 16/01/2025, Trần Văn M đến nhà bị cáo T để dọn dẹp nhà giúp bị cáo T, thì thấy bị cáo T đang sử dụng ma túy tại phòng khách nên M xin bị cáo T sử dụng ma túy thì bị cáo T đồng ý. Bị cáo T dùng bật lửa hơi nóng nổ thủy tinh chứa ma túy cho M sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, M tiếp tục đi ra phía trước nhà bị cáo T để giúp bị cáo T dọn dẹp nhà cửa.

Khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày, bị cáo L1 đến nhà gặp bị cáo T, đưa cho bị cáo T số tiền 140.000 đồng góp mua ma túy đá để sử dụng, thì bị cáo T đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn A1 đến nhà bị cáo T để lấy bình nước, lúc này trong nhà bị cáo T có bị cáo, bị cáo L1 và A1 (còn Trần Văn M đang dọn dẹp ở ngoài), thì bị cáo T lấy gói ma túy đá đổ vào trong nổ thủy tinh rồi dùng bật lửa đốt nóng ma túy ở trong nổ, sau đó bị cáo và bị cáo L1 mỗi người tự lấy ống hút ma túy, đồng thời bị cáo T rủ Anh cùng sử dụng ma túy thì A1 đồng ý, sau đó bị cáo T dùng bật lửa đốt ma túy rồi đưa bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho Anh hút ma túy, hút xong Anh ra về. Sau đó, bị cáo T tiếp tục dùng bật lửa đốt ma túy cho bị cáo Long H1, sau khi hút xong bị cáo T đem bộ dụng cụ sử dụng ma túy đặt vào dưới ghế. Sau đó thì M ở ngoài sân đi vào và xin bị cáo T để tiếp tục sử dụng ma túy thì bị cáo T đồng ý và nói bị cáo L1 đốt giúp ma túy cho M hút. Bị cáo L1 lấy bộ dụng

cụ sử dụng ma túy có sẵn ma túy trong nỏ thủy tinh dùng bật lửa đốt nóng rồi đưa M hút, hút xong M ra ngoài sân và bị cáo L1 tiếp tục hút 02 đến 03 hơi rồi để bộ dụng cụ sử dụng ma túy dưới ghế.

Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, khi bị cáo T đang đứng trước hiên nhà thì bị Tổ công tác do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Q cũ phối hợp cùng Đội điều tra tổng hợp Công an huyện Q và Công an thị trấn Đ, huyện Q cũ kiểm tra, bị cáo T tự nguyện giao nộp một đoạn ống hút nhựa màu trắng chứa ma túy mà bị cáo cất giấu để sử dụng. Tổ công tác tiến hành cân xác định khối lượng, thử mẫu nhanh phát hiện chất ma túy và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo T về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại Kết luận giám định số 105/KL-KTHS ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: chất rắn dạng tinh thể màu trắng gửi giám định thu giữ trong người của bị cáo T là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,162 gam; chất rắn thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo T là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,133 gam; trên bộ dụng cụ sử dụng ma túy gửi giám định có bám dính ma túy loại Methamphetamine (dạng vết: nghĩa là lượng Methamphetamine rất nhỏ, không xác định được khối lượng); trong mẫu thực vật khô màu nâu gửi giám định không tìm thấy ma túy, có khối lượng là 50 gam.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Masstel bên trong có gắn sim điện thoại số 0795460434; 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Trương Văn T; số tiền 1.000.000 đồng (thu giữ khi bắt quả tang).

- 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể; 15 túi ni lông không màu, miệng túi có viền màu đỏ, mỗi túi ni lông có kích thước 8,5cm x 5cm, bên trong có chứa nhiều thực vật khô cắt nhỏ được bỏ vào trong túi màu hồng kích thước 22cm x 13cm, có in chữ WASHBAG; 02 thẻ nhớ thu giữ trong camera; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã gồm: 01 bình nhựa miệng bình có loa, 01 ống nhựa màu trắng - hồng, 01 nỏ thủy tinh; 01 bật lửa màu vàng; 05 nỏ thủy tinh; 01 cân điện tử màu đen; 01 túi màu hồng kích thước 22cm x 13cm, có in chữ WASHBAG (thu giữ khi khám xét chỗ ở của bị cáo T).

Tại Cáo trạng số 78/CT-VKSQN-P1 ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng) đã truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hà Minh L1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo **T** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; bị cáo **L1** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Về hình phạt:

+ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **T** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **T** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (17/01/2025).

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **L1** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (17/01/2025).

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 túi niêm phong mã số NS1 23019175 (mẫu vật hoàn trả theo Kết luận giám định số 105/KL-KTHS) của **Phòng K Công an tỉnh Q** bên trong có: phần khối lượng còn lại sau giám định của các mẫu A1, A2, A3; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy, cấu tạo gồm: 01 bình nhựa, trên miệng bình có gắn 01 dụng cụ bằng thủy tinh dạng ống gấp tạo khuỷu, một đầu phình thành bầu (nỏ thủy tinh) và 01 phễu nhựa, trên miệng phễu nhựa có gắn 01 đoạn ống nhựa màu trắng - tím; 02 vỏ đoạn ống hút nhựa màu trắng được bỏ vào trong 02 phong bì của **Công an huyện Q**, đã được niêm phong; 01 bật lửa màu vàng; 05 nỏ thủy tinh; 01 cân điện tử màu đen; 01 túi màu hồng kích thước 22cm x 13cm, có in chữ WASHBAG; 01 điện thoại di động hiệu Masstel bên trong có gắn sim điện thoại số 0795460434.

+ Trả lại cho bị cáo **T**: 01 thẻ Căn cước công dân mang tên **Trương Văn T**.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo **T** để đảm bảo thi hành án.

+ Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 02 thẻ nhớ thu giữ trong camera.

- Về biện pháp tư pháp: tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 140.000 đồng của bị cáo **T**.

Tại phiên tòa: các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 12 giờ ngày 16/01/2025, tại nhà bị cáo **T** thuộc **thôn L, xã Q, thành phố Đà Nẵng**, bị cáo **T** chuẩn bị ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy để tổ chức cho **Trần Văn M** sử dụng ma túy tại nhà bị cáo. Sau khi cùng **M** sử dụng ma túy xong, bị cáo **T** tiếp tục chuẩn bị ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy để tổ chức cho bị cáo **L1, Nguyễn Văn A1, Trần Văn M** sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của bị cáo. Loại ma túy bị cáo tổ chức sử dụng là Methamphetamine. Bị cáo **T** đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần cho nhiều người nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Số ma túy bị cáo **T** cất giấu để sử dụng cho lần sau là ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 0,295 gam. Hành vi bị cáo **T** cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo **L1** khai nhận góp tiền mua ma túy với bị cáo **T**, cùng bị cáo **T** tổ chức cho bị cáo **T** và **M, A** sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà bị cáo **T**. Như vậy, hành vi của bị cáo **L1** đã cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 78/CT-VKSQN-P1 ngày 20/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội: ma túy là chất gây nghiện có hại cho sức khỏe con người, sử dụng ma túy là một trong những tệ nạn nguy hiểm nhất trong xã hội. Khi sử dụng chất ma túy sẽ làm cho con người có nhận thức lệch lạc, mơ hồ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, là tác nhân gây ra các tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo **T** không có tiền án, tiền sự; bị cáo **L1** không có tiền án, có 01 tiền sự,

Về nhân thân: bị cáo **T** đã 01 lần bị xử phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo **L1** 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo **T** có hoàn cảnh gia đình khó khăn và khi bị Công an kiểm tra thì bị cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy đang cất giấu và tự nguyện khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng của mình nên được xem là đầu thú đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo **L1** có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có ông nội và bác ruột là liệt sĩ, bà nội là Bà Mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nhưng cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 140.000 đồng của bị cáo **T** (số tiền bị cáo **L1** góp sử dụng ma túy).

[8]. Về xử lý vật chứng:

- 01 túi niêm phong mã số NS1 23019175 (mẫu vật hoàn trả theo Kết luận giám định số 105/KL-KTHS) của Phòng K Công an tỉnh Q bên trong có: phần khối lượng còn lại sau giám định của các mẫu A1, A2, A3; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy, cấu tạo gồm: 01 bình nhựa, trên miệng bình có gắn 01 dụng cụ bằng thủy tinh dạng ống gấp tạo khuỷu, một đầu phình thành bầu (nỏ thủy tinh) và 01 phễu nhựa, trên miệng phễu nhựa có gắn 01 đoạn ống nhựa màu trắng - tím; 02 vỏ đoạn ống hút nhựa màu trắng được bỏ vào trong 02 phong bì của Công an huyện Q, đã được niêm phong; 01 bật lửa màu vàng; 05 nỏ thủy tinh; 01 cân điện tử màu đen; 01 túi màu hồng kích thước 22cm x 13cm, có in chữ WASHBAG; 01 điện thoại di động hiệu Masstel bên trong có gắn sim điện thoại số 0795460434 là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Trả cho bị cáo **T**: 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Trương Văn T do không liên quan đến tội phạm.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo **T** để đảm bảo thi hành án, số tiền còn lại sau khi thi hành án xong được trả lại cho bị cáo **T**.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 02 thẻ nhớ thu giữ trong camera là vật chứng có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

[9]. Những nội dung khác có liên quan:

- Đối với những lần bị cáo **T** mua ma túy của **Nguyễn Hoàng V** về sử dụng một mình và đã sử dụng hết nên không có căn cứ để xác định bị cáo **T** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

- Việc **Trần Văn M**, **Nguyễn Văn A1** tham gia sử dụng ma túy tại nhà bị cáo **T** vào ngày 16/01/2025, nhưng không góp tiền mua ma túy, không tham gia chuẩn bị ma túy, công cụ sử dụng ma túy cũng như đưa ma túy cho người khác sử dụng mà chỉ là người thụ hưởng nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là phù hợp.

- Đối với **Nguyễn Hoàng V** là người bị cáo **T** khai mua ma túy vào ngày 14/01/2025: **V** đã bị khởi tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 157/QĐ-CSMT, Quyết định khởi tố bị can số 325/QĐ-CSMT ngày 02/5/2025 của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Q** cũ.

- Việc **Trần Thị H2** là người đăng ký thông tin chủ thuê bao số điện thoại 0795460434 mà bị cáo **T** sử dụng: **H2** khai không đăng ký và sử dụng số 0795460434 và không cho ai mượn hoặc thuê CMND hoặc CCCD để đăng ký số điện thoại này, cũng không có quan hệ gì với bị cáo **T** nên Cơ quan điều tra không xử lý chỉ **H2** là phù hợp.

- Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo **T**, bị cáo **L1** và **Trần Văn M**, **Nguyễn Văn A1**: Cơ quan điều tra đã chuyển thông tin vi phạm hành chính đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh Q** cũ xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

[10]. Về kiến nghị: hồ sơ vụ án thể hiện: vào ngày 14/01/2025, bị cáo **T** mua ma túy của **Nguyễn Hoàng V**. Đến khoảng 14 giờ 50 phút ngày 16/01/2025, bị cáo **L1** đến nhà bị cáo **T**, bị cáo **L1** đưa cho bị cáo **T** số tiền 140.000 đồng; tại các bút lục số 24, 25 là các bản ảnh được trích xuất từ camera tại nhà bị cáo **T**, sau khi xem ảnh bị cáo **T** ghi “*đây là hình ảnh của Hà Minh L1 lấy tiền mua ma túy đá của T để sử dụng tại nhà của T*” và bị cáo **T** ký tên; tại các bút lục số 112, 117, 119 và 121, bị cáo **L1** khai nhận “*số tiền 140.000 đồng tôi đưa cho anh T là tôi mua 50.000 đồng tiền thuốc Lào, còn 90.000 đồng tôi mua ma túy đá sử dụng như tôi đã nói trên kia là “kia còn không cho em hút hơi”*”. Những lời khai này thể hiện ý chí chủ quan của bị cáo **L1** khi đến nhà của bị cáo **T** với mục đích là mua ma túy để sử dụng, phù hợp với diễn biến hành vi khách quan của vụ án. Tội mua bán trái phép chất ma túy là tội phạm có cấu thành hình thức nên chỉ cần có mục đích hoặc hành vi mua bán mà không nhất thiết là phải xác định khối lượng ma túy riêng và quyền định đoạt đối với khối lượng ma túy.

Tại các biên bản ghi lời khai, bị cáo **T** thừa nhận “*bị cáo cho anh M sử dụng ma túy không có góp tiền hay thỏa thuận gì về chuyện tiền bạc, anh M giúp bị cáo việc phân loại phế liệu coi như trả tiền công cho việc sử dụng ma túy*”. Theo hướng dẫn tại điểm d khoản 3.3 Mục II Thông tư liên tịch số 17 ngày 24/12/2007 thì đây là hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, hành vi của bị cáo **T** có

dấu hiệu phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để điều tra, truy tố bị cáo **T** về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định của pháp luật nhưng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng kiến nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[11]. Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trương Văn T** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; bị cáo **Hà Minh L1** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trương Văn T** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trương Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo **T** phải chấp hành hình phạt là 09 (chín) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ bị cáo bị tạm giữ (17/01/2025).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Hà Minh L1** 07 (bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (17/01/2025).

2. Về biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 140.000 đồng của bị cáo **T**.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 túi niêm phong mã số NS1 23019175 (mẫu vật hoàn trả theo Kết luận giám định số 105/KL-KTHS) của **Phòng K Công an tỉnh Q** bên trong có: phần khối lượng còn lại sau giám định của các mẫu A1, A2, A3; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy, cấu tạo gồm: 01 bình nhựa, trên miệng bình có gắn 01 dụng cụ bằng thủy tinh dạng ống gấp tạo khuỷu, một đầu phình thành bầu (nỏ thủy tinh) và 01 phễu nhựa, trên miệng phễu nhựa có gắn 01 đoạn ống nhựa màu trắng - tím; 02 vỏ đoạn ống hút nhựa màu trắng được bỏ vào trong 02 phong bì của **Công an huyện Q**, đã được niêm phong; 01 bật lửa màu vàng; 05 nỏ thủy tinh; 01 cân điện tử màu đen; 01 túi màu hồng kích thước 22cm x 13cm, có in chữ

WASHBAG; 01 điện thoại di động hiệu Masstel bên trong có gắn sim điện thoại số 0795460434.

- Trả cho bị cáo **T**: 01 thẻ Căn cước công dân mang tên **Trương Văn T**.

(Vật chứng trên đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 14/8/2025)

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo **T** để đảm bảo thi hành án, số tiền còn lại sau khi thi hành án xong được trả lại cho bị cáo **T** (theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 14/5/2025, nộp vào tài khoản số 39490904639400000 tại **Kho bạc Nhà nước khu vực X**).

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 02 thẻ nhớ thu giữ trong camera.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26-3-2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT về hình sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng PV06 Công an TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ